

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 7 năm 2020

GIẤY MỜI

Kính gửi:

Thực hiện kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại Thông báo số 140/TB-UBND ngày 21/7/2020, trong đó giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát khu vực đề nghị điều chỉnh quy hoạch để đảm bảo tính khớp nối đồng bộ các dự án đã và đang triển khai xây dựng ở khu vực kế cận, đồng bộ về quy hoạch kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật. Sở Xây dựng tổ chức cuộc họp, mời các đơn vị tham dự để phối hợp, kiểm tra, rà soát các nội dung có liên quan theo chỉ đạo của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Thành phần tham dự

- Sở Xây dựng: Ông Nguyễn Công Hoàng - PGĐ Sở, chủ trì;
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải;
- Lãnh đạo UBND thành phố Quảng Ngãi;
- Các Phòng trực thuộc Sở Xây dựng: P3, P5.

2. Thời gian: vào lúc 08h00, ngày 29/7/2020 (thứ 4);

3. Địa điểm: Hội trường Sở Xây dựng Quảng Ngãi;

Địa chỉ: 68 Phạm Văn Đồng, thành phố Quảng Ngãi.

4. Chuẩn bị nội dung: Đề nghị các Sở ngành và UBND thành phố nghiên cứu nội dung phương án điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại khu vực số 49, bờ Bắc sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi (có sao gửi kèm theo Giấy mời này), tham gia góp ý tại cuộc họp (đơn vị nào không tham dự hoặc không tham gia ý kiến tại cuộc họp xem như thống nhất với phương án đề xuất).

Rất mong sự có mặt của các đơn vị để cuộc họp đạt kết quả.

Nơi nhận:

- Như thành phần tham dự;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QHKT (Thạch).



Nguyễn Công Hoàng

PHỤ LỤC

Phương án đề xuất điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố tại khu vực số 49, bờ Bắc sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi
(Kèm theo Giấy mời số 1.02/GM-SXD ngày 24/7/2020 của Sở Xây dựng)

1. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch khu vực số 49, bờ Bắc sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi đã được Sở Xây dựng rà soát, chỉnh sửa, dự kiến điều chỉnh như sau:

+ Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất:

TT	Loại đất	Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi được duyệt		Cơ cấu sử dụng đất xin điều chỉnh	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở đô thị	425.154,75	78,8	339.750,63	62,97
-	Đất ở	425.154,75	78,8	176.518,98	32,72
-	Đất công trình công cộng	-	-	19.803,05	3,67
-	Đất thương mại - dịch vụ	-	-	43.129,70	7,99
-	Đất hạ tầng kỹ thuật	-	-	2.405,80	0,45
-	Đất ở dân cư hiện trạng	-	-	97.893,10	18,14
2	Đất cây xanh	14.622,87	2,71	41.963,69	7,78
3	Đất giao thông	99.733,18	18,49	157.796,48	29,25
	Tổng	539.510,80	100,0	539.510,80	100

+ Điều chỉnh cục bộ mạng lưới giao thông nội bộ: điều chỉnh quy hoạch 02 tuyến đường giao thông nội bộ (song song với đường Hoàng Sa) cho phù hợp với hiện trạng.

2. Sơ đồ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung

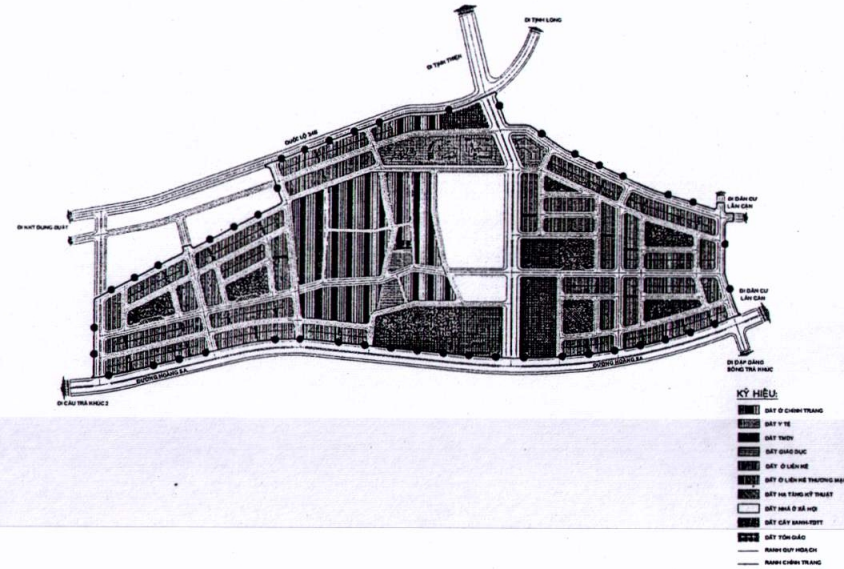
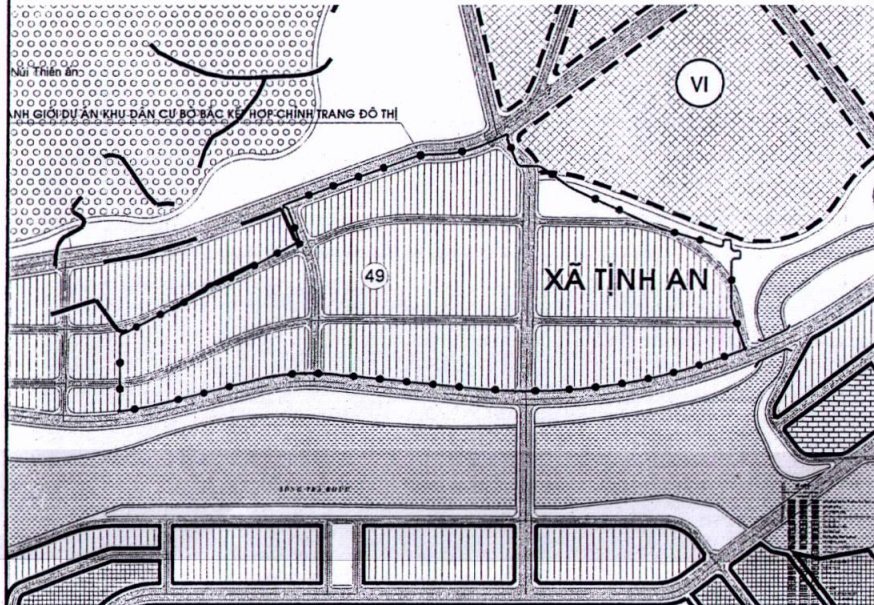
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030

(KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ/SXĐ-QHKT NGÀY/07/2020 CỦA SỞ XÂY DỰNG)



QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030 ĐƯỢC DUYỆT

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT XIN ĐIỀU CHỈNH



BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT SO SÁNH

TT	Loại đất	Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi được duyệt		Cơ cấu sử dụng đất xin điều chỉnh	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở đô thị	425.154,75	78,80	339.750,63	62,97
1	Đất ở	425.154,75	78,80	176.518,98	32,72
2	Đất công trình công cộng			19.803,05	3,67
3	Đất thương mại - dịch vụ			43.129,70	7,99
4	Đất hạ tầng kỹ thuật			2.405,80	0,45
5	Đất ở dân cư hiện trạng			97.893,10	18,14
II	Đất cây xanh	14.622,87	2,7104	41.963,69	7,78
III	Đất giao thông	99.733,18	18,486	157.796,48	29,25
	Tổng	539.510,80	100	539.510,8	100

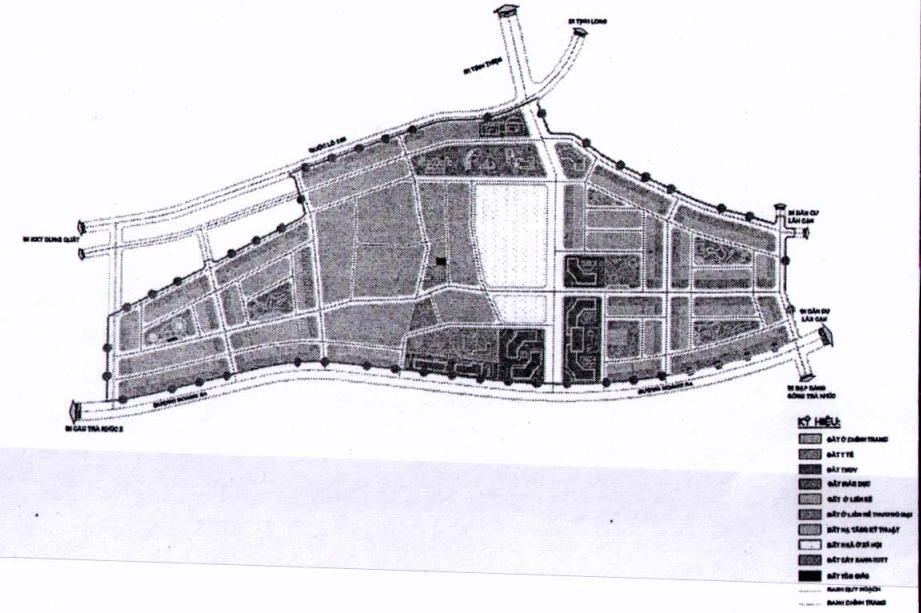
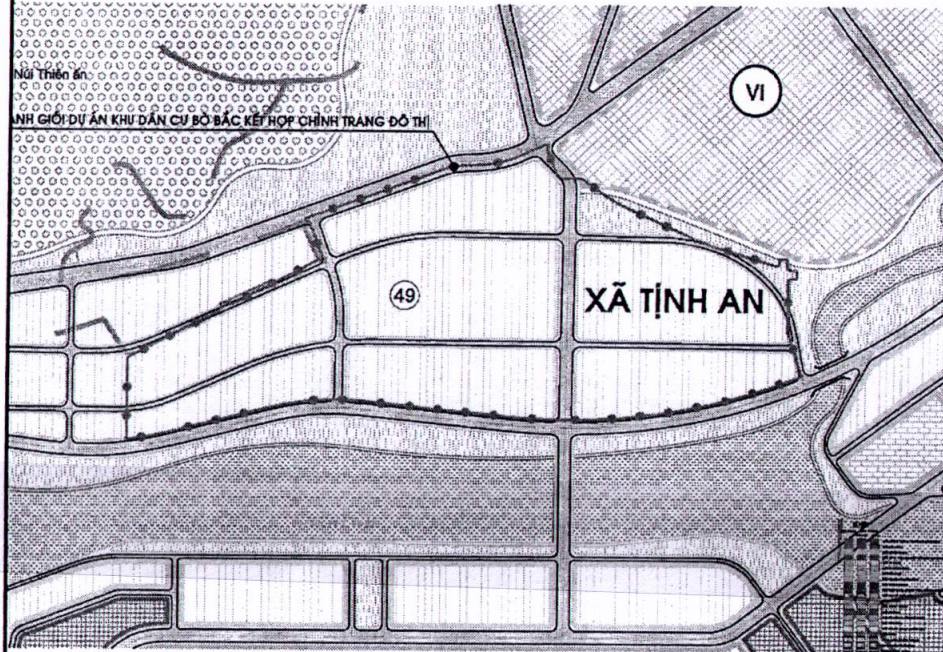
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030

(KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ/SXD-QHKT NGÀY/07/2020 CỦA SỞ XÂY DỰNG)



QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030 ĐƯỢC DUYỆT

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT XIN ĐIỀU CHỈNH



BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT SO SÁNH

TT	Loại đất	Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi được duyệt		Cơ cấu sử dụng đất xin điều chỉnh	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở đô thị	425.154,75	78,80	339.750,63	62,97
1	Đất ở	425.154,75	78,80	176.518,98	32,72
2	Đất công trình công cộng			19.803,05	3,67
3	Đất thương mại - dịch vụ			43.129,70	7,99
4	Đất hạ tầng kỹ thuật			2.405,80	0,45
5	Đất ở dân cư hiện trạng			97.893,10	18,14
II	Đất cây xanh	14.622,87	2,7104	41.963,69	7,78
III	Đất giao thông	99.733,18	18,486	157.796,48	29,25
	Tổng	539.510,80	100	539.510,8	100